

Bản án số: **04/2018/HNGĐ-ST**;
Ngày: 05/4/2018.
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Xê.
2. Ông Trần Mạnh Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đàm Thị Nh**, sinh năm 1989;

HKTT: Thôn , xã Song Ph, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Văn V**, sinh năm 1987;

HKTT: Thôn , xã Song Ph, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Hiện đang thi hành án tại: Trại giam Quyết T, xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đàm Thị Nhung trình bày:***

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Đỗ Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Song Ph, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V sống không có trách nhiệm với vợ con. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2012 cho đến nay.

Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 05/05/2010; cháu Đỗ Văn H, sinh ngày 13/8/2011. Khi ly hôn chị xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Tại Biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị, bị đơn là anh Đỗ Văn V trình bày:***

Anh và chị Đàm Thị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày ngày 26/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Song Ph, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc.

Nay chị Nh xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn chị Nh.

2. Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 05/05/2010; cháu Đỗ Văn H, sinh ngày 13/8/2011. Khi ly hôn anh xin nuôi một con và để chị Nh nuôi 01 con, anh và chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:***

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án:

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ đã chứng minh được mâu thuẫn giữa chị Nh và anh V tới mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét cho chị Nh được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Giao các cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 05/05/2010; cháu Đỗ Văn H, sinh ngày 13/8/2011 cho chị Đàm Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giao dục, nuôi dưỡng, ghi nhận chị Nh không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Đàm Thị Nh và anh Đỗ Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*”, anh Đỗ Văn V có HKTT tại xã Song P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Đỗ Văn V hiện đang chấp hành án phạt tù và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V là đúng quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Đàm Thị Nh và anh Đỗ Văn V kết hôn ngày 26/3/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Nh đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, anh V đồng ý ly hôn chị Nh vì cuộc sống không mang lại hạnh phúc cho chị Nh, anh thì đang phải chấp hành hình phạt tù. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ*

trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác. Như vậy hiện tại chị N và anh V đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Nh và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị Nh được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị Đàm Thị Nh và anh Đỗ Văn V có 02 con chung là cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 05/05/2010; cháu Đỗ Văn H, sinh ngày 13/8/2011. Khi ly hôn chị Nh xin nuôi dưỡng 02 con chung, anh V xin được nuôi dưỡng 01 con chung và để chị Nh nuôi dưỡng 01 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện anh Đỗ Văn V đang phải chấp hành án với hình phạt 17 năm tù (thời gian chấp hành từ năm 2012). Do đó, cần phải giao các con chung cho chị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đàm Thị Nh không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Đàm Thị Nh và anh Đỗ Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đàm Thị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị Nh, cho chị Đàm Thị Nh được ly hôn anh Đỗ Văn V.

2. Về con chung: Giao các cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 05/05/2010; Đỗ Văn H, sinh ngày 13/8/2011 cho chị Đàm Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc,

giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Đỗ Văn V được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị Đàm Thị Nh không yêu cầu anh Đỗ Văn V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Đàm Thị Nh và anh Đỗ Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đàm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007852 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị Nh đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Song Phương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã An Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

